

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2019/DS-ST**

Ngày 27/9/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Anh Bật
2. Bà Phạm Thị Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 22/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 20/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Quỹ tín dụng nhân dân V;**

Địa chỉ: Xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

+ *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hà Văn Đ - Giám đốc; có mặt

+ *Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Chuông - Nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân V; có mặt

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1963; có mặt

Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1963; vắng mặt (ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C)

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân V trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân V tại các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 187/HĐTD ngày 02/6/2016, vợ chồng ông C vay số tiền 130.000.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 02/6/2016 đến ngày 02/6/2017); mục đích: Chuyển đổi cây trồng, vật nuôi; lãi suất: 0,90%/tháng (30 ngày); phương thức trả lãi tiền vay: 03 tháng/lần và không quá 06 tháng (tính từ ngày trả lãi); lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng tín dụng số 194/HĐTD ngày 06/6/2016, vợ chồng ông C vay số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 06/6/2016 đến ngày 06/6/2017); mục đích: Chuyển đổi cây trồng, vật nuôi; lãi suất: 0,90%/tháng (30 ngày); phương thức trả lãi tiền vay: 03 tháng/lần và không quá 06 tháng (tính từ ngày trả lãi); lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 469/HĐTD ngày 20/12/2014 và các Hợp đồng tín dụng phát sinh trong tương lai giữa Quỹ tín dụng nhân dân V với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B (kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2014 đến ngày 20 tháng 12 năm 2017), vợ chồng ông C đã thế chấp quyền sử dụng 322m² đất, thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 08, tại Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số K046568, số vào sổ cấp giấy 0971 QSDĐ/NT do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp ngày 02/01/2002. Việc thế chấp đã được thỏa thuận ký kết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120/HĐTC ngày 19/12/2014 theo quy định. Các ngày 02/6/2016 và 06/6/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân V với vợ chồng ông C thỏa thuận bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm (kèm theo Hợp đồng thế chấp 120 ngày 19/12/2014) tại các phụ lục, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay đối với hai hợp đồng tín dụng 187 và 194 nêu trên. Quá trình sử dụng vốn vay, vợ chồng ông C mới trả được 7.000.000 đồng tiền lãi của Hợp đồng số 187 và 15.000.000 đồng tiền gốc của Hợp đồng số 194. Quỹ tín dụng đã đôn đốc nhiều lần, nhưng vợ chồng ông C không trả. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông C còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân V theo từng hợp đồng như sau: Hợp đồng số 187 ngày 02/6/2016 gồm 130.000.000 đồng nợ gốc, 7.235.000 đồng nợ lãi trong hạn và 49.54.500 đồng nợ lãi quá hạn, tổng số là 186.784.500 đồng; Hợp đồng số 194 ngày 06/6/2016 gồm tiền nợ gốc là: 15.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.743.500 đồng và nợ lãi quá hạn là 9.186.900 đồng, tổng số tiền là: 26.930.400 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi của cả hai hợp đồng là 213.714.900 đồng. Vì vậy, Quỹ tín dụng nhân dân V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền còn nợ. Trường hợp vợ chồng ông C không trả, Quỹ tín dụng nhân dân V sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C trình bày: Vợ chồng tôi có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân V, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Cụ thể là: Tại Hợp đồng tín dụng số 187/HĐTD ngày 02/6/2016, vợ chồng tôi vay số tiền 130.000.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 02/6/2016 đến ngày 02/6/2017); mục đích: Chuyển đổi cây trồng, vật nuôi; lãi suất: 0,90%/tháng (30 ngày); phương thức trả lãi tiền vay: 03 tháng/lần và không quá 06 tháng (tính từ ngày trả lãi); lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng tín dụng số 194/HĐTD ngày 06/6/2016, vợ chồng tôi vay số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 06/6/2016 đến ngày 06/6/2017); mục đích: Chuyển đổi cây trồng, vật nuôi; lãi suất: 0,90%/tháng (30 ngày); phương thức trả lãi tiền vay: 03 tháng/lần và không quá 06 tháng (tính từ ngày trả lãi); lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Hai hợp đồng trên được bảo đảm bằng việc vợ chồng tôi thế chấp quyền sử dụng 322m² đất, thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, tại Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; có giấy chứng nhận quyền sử dụng số K046568, số vào sổ cấp giấy 0971 QSDĐ/NT do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp ngày 02/01/2002. Việc thế chấp đã được đăng ký, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120/HĐTC ngày 19/12/2014 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Long và 02 phụ lục bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm (kèm theo Hợp đồng thế chấp số 120 ngày 19/12/2014). Tính đến nay, vợ chồng tôi còn nợ của Quỹ tín dụng nhân dân V, của Hợp đồng số 187 ngày 02/6/2016 gồm 130.000.000 đồng nợ gốc,

7.235.000 đồng lãi trong hạn và 49.540.000 đồng lãi quá hạn, tổng số là 186.784.000 đồng; của Hợp đồng số 194 ngày 06/6/2016 gồm tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.743.500 đồng và lãi quá hạn là 9.186.900 đồng, tổng số là: 26.930.400 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi của cả hai hợp đồng là 213.714.900 đồng như đại diện Quỹ tín dụng trình bày là đúng. Tuy nhiên, hiện vợ chồng tôi không có khả năng trả ngày, nên đề nghị Quỹ tín dụng cho vợ chồng tôi trả dần tiền nợ gốc, còn tiền nợ lãi cho vợ chồng tôi xin. Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân V không nhất trí, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tài sản mà vợ chồng tôi thế chấp để vay tiền của Quỹ tín dụng là quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng tôi, hiện không có tranh chấp với ai và từ khi thế chấp đến nay, hiện trạng tài sản thế chấp không có biến động gì so với tại thời điểm thế chấp. Toàn bộ tài sản gắn liền với đất cũng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng tôi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 322, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 93, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, 10, 11, 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Luật số 97/2015 về phí và lệ phí; Nghị quyết 326 của Quốc Hội về án lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ tranh chấp: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân V.

1. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2019) cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 187 ngày 02/6/2016: Nợ gốc là 130.000.000 đồng; lãi suất trong hạn là 7.235.000 đồng và lãi quá hạn là 49.549.500 đồng. Tổng số tiền là 186.784.500 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 194 ngày 06/6/2016: Nợ gốc là 15.000.000 đồng; lãi trong hạn là 2.743.500 đồng và lãi quá hạn là 9.186.900 đồng. Tổng số tiền là 26.930.400 đồng.

2. Nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp ở trên để thanh toán khoản nợ của ông C, bà B cho Quỹ tín dụng nhân dân V. Nếu còn thiếu ông C, bà B có trách nhiệm trả nợ tiếp, nếu thừa thì trả lại ông C, bà B.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Các ngày 02/6/2016 và 06/6/2016 Quỹ tín dụng nhân dân V và vợ chồng ông Nguyễn Văn C ký các hợp đồng tín dụng với thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký. Ngày 05/01/2019 Quỹ tín dụng nhân dân V khởi kiện vụ án dân sự là vẫn còn thời hiệu.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Hợp đồng cho vay tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với khách hàng cá nhân không có đăng ký kinh doanh, không cùng có mục đích lợi nhuận. Hiện bị đơn cư trú tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp là dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Người đại diện của nguyên đơn và bị đơn đều được ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được ký kết trước ngày 01/01/2017 nhưng có hình thức và nội dung phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân Vinh Hòa thông qua Hợp đồng tín dụng số 187/HĐTD ngày 02/6/2016, vay số tiền là 130.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 02/6/2016 đến ngày 02/6/2017 với lãi suất cho vay được quy định trong hợp đồng. Ngày 08/10/2016, ngày 25/11/2017 ông C, bà B đã trả 7.000.000 đ (tiền lãi). Còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân V tiền gốc là: 130.000.000đ và tiền lãi còn lại và Hợp đồng tín dụng số 194/HĐTD ngày 06/6/2016, ông C, bà B vay số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 06/6/2016 đến ngày 06/6/2017 với lãi suất cho vay được quy định trong hợp đồng. Ngày 10/6/2016 trả nợ tiền gốc 5.000.000 đ; ngày 23/7/2019 trả tiền gốc 10.000.000đ. Còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân V tiền gốc là: 15.000.000 đ và tiền lãi. Như vậy, ông C, bà B chưa hết trả tiền nợ gốc, tiền nợ lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân V, đã vi phạm hợp đồng tín dụng, nên Quỹ tín dụng nhân dân V khởi kiện yêu cầu trả nợ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, nếu bị đơn không thanh toán trả nợ: Vợ chồng ông C, bà B đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 322m² đất tại xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B có Giấy chứng nhận số K046568, do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp ngày 02/01/2002 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120/HĐTC ngày 19/12/2014 để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 469/HĐTD ngày 20/12/2014 và các Hợp đồng tín dụng phát sinh trong tương lai giữa Quỹ tín dụng nhân dân V với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B, kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2014 đến ngày 20 tháng 12 năm 2017. Hợp đồng thế chấp trên được công chứng hợp lệ và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên hoàn toàn hợp pháp. Hợp đồng tín dụng 469/HĐTD ngày 20/12/2014 đã được tất toán; giữa Quỹ tín dụng nhân dân V với ông C, bà B đã ký thỏa thuận bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm (kèm theo Hợp đồng thế chấp 120 ngày 19/12/2014) tại các phụ lục, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên

vay đối với hai hợp đồng tín dụng 187 và 194 nêu trên là đúng thỏa thuận và hợp pháp. Các đương sự xác định tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất từ khi thế chấp đến nay không cho thuê, mượn, chuyển nhượng, không có tranh chấp với ai; hiện trạng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất đúng như mô tả tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang. Căn cứ Điều 298 Bộ luật dân sự; Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; mục 3 khoản 19 Điều 1 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 thì việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân V đề nghị xử lý tài sản thế chấp của ông C, bà B nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết là đúng quy định của pháp luật. Ông C, bà B thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và giữa nguyên, bị đơn không có thỏa thuận khác, do đó tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, theo quy định tại khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Quỹ tín dụng nhân dân V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 116, 117, 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, khoản 1 Điều 325, 351, 352, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 85, 86, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân V.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân V các khoản tiền theo các hợp đồng tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2019:

- Hợp đồng tín dụng số 187 ngày 02/6/2016: Nợ gốc là 130.000.000 đồng; lãi suất trong hạn là 7.235.000 đồng và lãi quá hạn là 49.549.500 đồng. Tổng số tiền là 186.784.500 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 194 ngày 06/6/2016: Nợ gốc là 15.000.000 đồng; lãi trong hạn là 2.743.500 đồng và lãi quá hạn là 9.186.900 đồng. Tổng số tiền là 26.930.400 đồng.

Tổng số tiền ông C và bà B phải trả là 213.714.900 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông C và bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông C và bà B không thực hiện thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi đối với khoản vay nêu trên, Quỹ tín dụng nhân dân V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát

mại tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ, cụ thể: Phát mại quyền sử dụng 322m² đất, thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 08, tại Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số K046568, số vào sổ cấp giấy 0971 QSDĐ/NT do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp ngày 02/01/2002 mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B và tài sản gắn liền trên đất (có đặc điểm ghi tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý cho việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông C và bà B đối với Quỹ tín dụng nhân dân V. Số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông C và bà B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân V, số tiền còn thừa sẽ được trả lại cho ông C và bà B.

2. Về án phí: Ông C và bà B phải chịu 10.685.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000 đồng, đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004674 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Đức Chính